

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/HNGĐ – ST**

Ngày 16/6/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST – HNGĐ, ngày 29/10/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Trung Ánh, sinh năm 1978, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: xóm X, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan

Nơi cư trú: xóm X, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Nguyễn Trung Á trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Th có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/3/2008.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hòa thuận, hạnh phúc nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn nên thường cãi nhau; nguyên nhân: do cách sống của anh Á và chị Th không hợp nhau nên thường phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung gồm: Nguyễn Trung T, sinh ngày 07/4/2006 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2009. Khi ly hôn, anh Á yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và anh Á không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh Á xác định, anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: anh Nguyễn Trung Á xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản.

Ý kiến đề nghị lập luận của bị đơn: Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/3/2022 chị Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Th thống nhất như lời trình bày của anh Á về quá trình kết hôn; về quá trình chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do anh Á chỉ ăn chơi ngoài đường, không có trách nhiệm với vợ con, không chu cấp tiền để cho con ăn học. Khi con trai chị là Nguyễn Trung T thi đậu vào lớp 10 chị có yêu cầu anh Á đưa tiền để đóng tiền học cho con thì anh Á có nói với chị là có tiền thì cho con học, không có tiền thì cho nghỉ chứ anh Á không đưa tiền. Giữa chị và anh Á đã sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân thì 02 con chung do chị nuôi dưỡng, anh Á không đến thăm con chung và chu cấp tiền để chị nuôi con. Nay anh Á yêu cầu ly hôn, chị chưa quyết định được việc ly hôn, để chị suy nghĩ lại.

Về con chung: chị Th xác định vợ chồng có 02 con chung như anh Á trình bày trên là đúng.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị và anh Á ly hôn thì chị có nguyện vọng nhận nuôi con chung là cháu Nguyễn Trung T và giao con chung Nguyễn Quỳnh N cho anh Á nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: chị Th xác định, chị và anh Á có tài sản chung là nhà, đất và các tài sản khác trong nhà. Chị sẽ làm đơn khởi kiện phản tố để yêu cầu chia tài sản chung trước ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trường hợp sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà chị không khởi kiện thì coi như chị không khởi kiện chia tài sản chung trong vụ án này.

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Nguyễn Thị Th xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Trung Á đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị Th không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; chị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Á và chị Th.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 203, 220, 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trung Á được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 07/4/2006 cho anh Nguyễn Trung Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn và giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2009 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. anh Á không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: anh Á và chị Th không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có, không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Trung Á phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh Nguyễn Trung Á có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và Biên bản xác minh ngày 23/3/2022 tại UBND xã B về quan hệ hôn nhân giữa anh Á và chị Th, Hội đồng xét xử nhận thấy:

anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Th có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Á và chị Th chung sống được một thời gian thì ly thân mỗi người mỗi nơi; anh Á về sinh sống tại nhà cha, mẹ đẻ, chị Th sinh sống tại nhà chung của anh, chị đều ở xóm X, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trước khi anh Á khởi kiện đến Tòa án thì vợ chồng anh, chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Việc anh, chị không sống chung với nhau trong thời gian dài thể hiện tình nghĩa vợ chồng anh, chị không còn và không có nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ và có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”. Tuy nhiên, anh Á và chị Th không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc và không còn sống chung với nhau; điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên tự sống ly thân.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho chị Th đến tham gia phiên họp hòa giải nhưng chị Th không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ chị Th không có thiện chí hòa giải đoàn tụ và không mong muốn đoàn tụ sống chung với anh Á. anh Á có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và không mong muốn đoàn tụ. Cả hai bên đều không muốn đoàn tụ sống chung với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Á và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử đủ chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Trung Á về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:* anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung gồm: Nguyễn Trung T, sinh ngày 07/4/2006 và Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2009.

Khi ly hôn, anh Á yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Xét thấy, anh Á và chị Th có điều kiện hoàn cảnh kinh tế, thu nhập, công việc đều không ổn định như nhau; về chỗ ở thì anh Á và chị Th chỉ có một chỗ ở và chị Th đang ở, anh Á ở nhà cha, mẹ đẻ của anh. Mặc dù, cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được ở với anh Á. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cần thiết phải giao cho anh Á và chị Th, mỗi người trực tiếp nuôi một con chung. Xét ý kiến trình bày của chị Th là phù hợp nên chấp nhận giao cháu Nguyễn Trung T cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Quỳnh N cho anh Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo quy định này và nhận định giao con chưa thành niên như trên thì anh Á có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cho chị Th và chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N cho anh Á. Vì vậy, không cần thiết phải buộc anh Á và chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng qua lại cho nhau để nuôi con. Mặt khác, anh Á trực tiếp nuôi dưỡng cháu N với thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi dài hơn thời gian chị Th thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T nên không chấp nhận ý kiến của chị Th về việc yêu cầu anh Á cấp dưỡng nuôi cháu T với số tiền 2.000.000 đồng định kỳ hàng tháng. anh Á không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. anh Á và chị Th đều có nghĩa vụ nuôi con như nhau nên người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[2.3] *Về tài sản chung:* anh Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 22/3/2022, chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị và anh Á có tài sản chung là nhà, đất và các tài sản khác trong nhà. Chị sẽ làm đơn khởi kiện phản tố để yêu cầu chia tài sản chung trước ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, đến ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th không có đơn khởi kiện phản tố về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, một trong các bên có tranh chấp về chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.4] *Về nghĩa vụ tài sản chung:* anh Á và chị Th xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

anh Nguyễn Trung Á phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.6] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Trung Á được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 07/4/2006 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn và giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2009 cho anh Nguyễn Trung Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

anh Á và chị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

3. *Về tài sản chung:* anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Th chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, trường hợp một trong các bên có tranh chấp về chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung:* anh Nguyễn Trung Á xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* anh Nguyễn Trung Á có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng)

nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000421, ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. anh Nguyễn Trung Á và chị Nguyễn Thị Thđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

